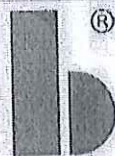


CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA
99A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh



SIBA GROUP

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CÔNG TY MẸ QUÝ III NĂM 2023**

TP. Hồ Chí Minh, Tháng 10 năm 2023



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA
 Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ III.2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2023

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 09 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		913.311.510.146	1.837.779.856.616
I. Tiền và các khoản tương đương	110	V.1	4.117.024.944	73.776.103.746
1. Tiền	111		4.117.024.944	73.776.103.746
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		717.405.414.954	1.302.982.283.182
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	635.538.076.591	1.250.932.396.037
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	65.496.228.899	27.410.238.191
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	16.371.109.464	24.639.648.954
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137			
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140	V.5	161.445.709.191	423.894.678.442
1. Hàng tồn kho	141		161.445.709.191	423.894.678.442
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		30.343.361.057	37.126.791.246
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	1.299.315.893	1.276.896.867
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		29.044.045.164	35.849.894.379
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153			
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		333.838.785.272	338.151.049.143
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		623.421.295	107.156.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 AI Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ III.2023

2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	623.421.295	107.156.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		186.491.439.186	180.817.586.144
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	174.248.429.329	179.805.660.959
- Nguyên giá	222		191.474.525.229	188.358.885.440
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(17.226.095.900)	(8.553.224.481)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.8	860.136.407	1.011.925.185
- Nguyên giá	225		1.011.925.185	1.011.925.185
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(151.788.778)	
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	11.382.873.450	
- Nguyên giá	228		11.674.742.000	
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(291.868.550)	
III. Bất động sản đầu tư	230			
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		53.502.002.552	63.213.993.444
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang DH	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	53.502.002.552	63.213.993.444
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		88.000.000.000	88.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.11	88.000.000.000	88.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		5.221.922.239	6.012.313.555
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	5.221.922.239	6.012.313.555
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế	263			
4. Tài sản dài hạn khác	264			

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ III.2023

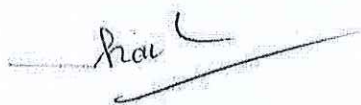
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.247.150.295.418	2.175.930.905.759
NGUỒN VỐN				
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		830.113.636.626	1.787.290.227.958
I. Nợ ngắn hạn	310		710.087.446.874	1.650.756.138.615
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	551.297.804.549	1.462.900.800.130
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	81.829.409.910	79.083.081.318
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	1.482.752.895	1.659.444.004
4. Phải trả người lao động	314		2.539.227.082	3.916.767.927
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	12.067.476.411	9.945.792.541
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	1.189.672.206	686.863.239
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	59.681.103.821	92.563.389.456
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322			
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu CP	324			
II. Nợ dài hạn	330		120.026.189.752	136.534.089.343
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337			
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	120.026.189.752	136.534.089.343
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ III.2023

D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		417.036.658.792	388.640.677.801
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	417.036.658.792	388.640.677.801
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		250.000.000.000	250.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		250.000.000.000	250.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		79.824.500.000	79.824.500.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418			
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		87.212.158.792	58.816.177.801
- Lợi nhuận chưa phân phối năm trước	421a		58.816.177.801	22.407.435.486
- Lợi nhuận chưa phân phối năm nay	421b		28.395.980.991	36.408.742.315
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.247.150.295.418	2.175.930.905.759

Người lập biểu



Trần Thị Thu Thảo

Kế toán trưởng



Hà Thị Ngọc Sơn



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ III.2023**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III.2023	Quý III.2022	Đơn vị tính: VNĐ	
					Lũy kế đầu năm đến cuối kỳ này năm nay	Lũy kế đầu năm đến cuối kỳ này năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	800.674.970.580	978.378.676.110	3.088.573.760.098	2.878.976.815.673
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10		800.674.970.580	978.378.676.110	3.088.573.760.098	2.878.976.815.673
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	776.147.239.572	943.235.205.686	3.016.825.997.701	2.815.097.193.056
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp vụ (20=10-11)	20		24.527.731.008	35.143.470.424	71.747.762.397	63.879.622.617
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	199.945.318	99.197.650	851.459.345	4.054.027.909
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	3.288.697.492	4.922.747.077	14.640.989.858	12.692.720.376
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.269.394.979	4.880.921.299	14.484.344.393	12.573.214.737
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	2.326.820.187	4.077.924.750	9.852.338.368	8.401.171.253
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	4.958.885.390	3.062.930.410	13.271.025.369	11.660.570.399
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14.153.273.257	23.179.065.837	34.834.868.147	35.179.188.498
11. Thu nhập khác	31	VI.7	81.372.642	3.152.012	100.981.352	4.707.311
12. Chi phí khác	32	VI.8	4.686.144	78.863.733	13.643.089	845.375.216
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		76.686.498	(75.711.721)	87.338.263	(840.667.905)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14.229.959.756	23.103.354.116	34.922.206.410	34.338.520.593
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	2.777.273.329	4.620.670.823	6.526.225.419	6.867.704.118

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ III.2023

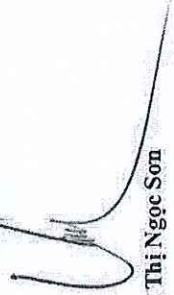
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52				
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	11.452.686.426	18.482.683.293	28.395.980.991	27.470.816.475
18. Lợi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	-	-	-	-
19. Lợi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71	-	-	-	-

Người lập biểu



Trần Thị Thu Thảo

Kế toán trưởng



Hà Thị Ngọc Sơn



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ III.2023**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Phương pháp gián tiếp)

Tại ngày 30 tháng 09 Năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01.01.2023 đến 30.09.2023	Từ ngày 01.01.2022 đến 30.09.2022
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	01		34.922.206.410	34.338.520.593
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản</i>				
Khấu hao tài sản và bất động sản đầu tư	02		9.116.528.747	4.721.390.948
Các khoản dự phòng	03			5.761.575
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại	04			
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(837.374.750)	(241.078.969)
Chi phí lãi vay	06		14.484.344.393	12.573.214.737
Các khoản điều chỉnh khác	07			
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		57.685.704.800	51.397.808.884
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		629.631.449.574	(411.856.761.231)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		262.448.969.251	(122.452.597.628)
Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(914.543.712.656)	477.273.791.219
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		767.972.290	(9.963.087.638)
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
Tiền lãi vay đã trả	14		(12.156.707.789)	(9.466.683.875)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(6.700.000.000)	(5.632.878.863)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17			
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		17.133.675.470	(30.700.409.132)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
I. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(38.241.354.207)	(40.376.761.625)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ III.2023

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			(20.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			20.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			(48.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		838.785.161	241.078.969
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>		<i>(37.402.569.046)</i>	<i>(88.135.682.656)</i>
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33		30.753.746.042	109.751.814.546
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(80.015.344.065)	(36.000.967.247)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(128.587.203)	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(49.390.185.226)</i>	<i>73.750.847.299</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</i>	<i>50</i>		<i>(69.659.078.802)</i>	<i>(45.085.244.489)</i>
<i>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</i>	<i>60</i>		<i>73.776.103.746</i>	<i>61.853.902.172</i>
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	<i>61</i>			
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</i>	<i>70</i>	<i>V.I</i>	<i>4.117.024.944</i>	<i>16.768.657.683</i>

Người lập biểu

Trần Thị Thu Thảo

Kế Toán Trưởng

Hà Thị Ngọc Sơn

Lập ngày 18 tháng 10 năm 2023

Tổng Giám Đốc



Nguyễn Văn Đức

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MỆ QUÝ III.2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính công ty mệ Quý III.2023 (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần Tập đoàn cơ khí công nghệ cao Siba (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty công ty cổ phần.

2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Thương mại, dịch vụ, sản xuất

3. **Ngành nghề kinh doanh** :
Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty trong năm bao gồm:

- Thương mại nông sản;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại./.

4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**: Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng

5. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC**: Số liệu BCTC giữa niên độ 9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC giữa niên độ 9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

6. **Cấu trúc doanh nghiệp**:
Công ty con:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công Ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Bạc Liêu	Lô E9, Khu công nghiệp Trà Kha, Phường 8, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam	Sản xuất điện	100%	100%	100%
Công Ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Đồng Tháp	Đường ven Sông Hậu, Ấp An Ninh, Xã Định An, Huyện Lấp Vò, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam	Sản xuất điện	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Sibacons	Số 2, đường 8A, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Xây dựng, thương mại, dịch vụ, sản xuất	80%	80%	80%

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ III.2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính công ty mẹ Quý III.2023 (tiếp theo)

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị, không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ III.2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính công ty mẹ Quý III.2023 (tiếp theo)

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Doanh nghiệp. Việc kiểm soát đạt được khi Doanh nghiệp có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Các khoản đầu tư vào công ty con, được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Doanh nghiệp so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Doanh nghiệp và người mua là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ III.2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính công ty mẹ Quý III.2023 (tiếp theo)

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định hữu hình</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	08 – 35
Máy móc thiết bị	05 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 05

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ III.2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính công ty mẹ Quý III.2023 (tiếp theo)

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

9. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định thuê tài chính</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc thiết bị	05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Doanh nghiệp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Doanh nghiệp bao gồm các chi phí sau:

Tiền thuê đất khu Công nghiệp

Tiền thuê đất khu Công nghiệp phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian 50 năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ III.2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính công ty mẹ Quý III.2023 (tiếp theo)

quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Dự án đầu tư Nhà máy Cơ khí công nghệ hỗ trợ Công nghệ cao VMECO của Công ty được áp dụng thuế suất 17% trong thời hạn 10 năm (từ năm 2022 đến năm 2031), miễn thuế 02 năm (từ năm 2022 đến năm 2023) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo áp dụng cho Dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn theo Hướng dẫn của Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 và Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính.

21. Công cụ tài chính

i. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ III.2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính công ty mẹ Quý III.2023 (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

ii. **Nợ phải trả tài chính**

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

iii. **Công cụ vốn chủ sở hữu**

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

22. **Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ III.2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính công ty mẹ Quý III.2023 (tiếp theo)

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<i>Ngày 30 tháng 09 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Tiền mặt	2.460.098.928	2.021.777.433
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.656.926.016	71.754.326.313
Cộng	4.117.024.944	73.776.103.746

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<i>Ngày 30 tháng 09 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>57.888.578.380</i>	<i>13.599.356.825</i>
Công Ty TNHH Đầu Tư Trang Trại Xanh 1	-	9.475.479.286
Công Ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Bạc Liêu	330.000.000	265.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Trang trại xanh 2	26.494.981.993	3.858.877.539
Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Bắc An Khánh	-	-
Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Đông An Khánh	30.330.350.889	-
Công ty TNHH Chăn Nuôi Nam An Khánh	733.245.498	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>577.649.498.211</i>	<i>1.237.333.039.212</i>
Công ty TNHH Đầu Tư và Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Tân Thành Nam	-	185.972.386.450
Công ty Cổ phần Đầu Tư Sản Xuất Và Kinh Doanh Thực Phẩm Hà Nội	-	308.366.546.580
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Cao Thăng	9.877.439.687	162.231.116.204
Công ty Cổ phần Sản Xuất, Thương Mại Và Dịch Vụ Tân Mai	95.336.209.800	313.160.032.033
Công Ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nông Sản Thực Phẩm Thành Đô	-	162.515.899.318
Công ty Cổ Phần Thăng Hoa	139.260.072.000	-
Công ty CP CBOT Việt Nam	320.306.392.100	-
Các khách hàng khác	12.869.384.624	105.087.058.627
Cộng	635.538.076.591	1.250.932.396.037

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ III.2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính công ty mẹ Quý III.2023 (tiếp theo)

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<i>Ngày 30 tháng 09 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	<i>1.215.607.850</i>	<i>376.650</i>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long	1.215.607.850	376.650
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>64.280.621.049</i>	<i>27.409.861.541</i>
Công ty Cổ phần nông nghiệp Kiến Nông	-	-
Công ty TNHH Khai thác Nước Ngầm Tây Ninh	-	3.801.600.000
Savagnini Italia S.P.A	37.561.571.500	2.448.868.500
Công ty Cổ phần Kết cấu thép Đại Dững Miền Trung	-	6.944.815.000
Công ty TNHH Antaco Bình Dương	-	2.441.275.200
Công ty TNHH Thép Triệu Kim	3.431.035.579	
Công Ty TNHH Star Farm Việt Nam	1.520.000.006	
Công Ty TNHH Nhà Thép Trí Việt	6.604.905.494	
Các nhà cung cấp khác	15.163.108.470	9.650.119.917
Cộng	65.496.228.899	27.410.238.191

4. Các khoản phải thu khác

a) Ngắn hạn

	<i>Ngày 30 tháng 09 năm 2023</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	<i>17.407.770</i>	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Sibacons	-	-	17.407.770	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>16.371.109.464</i>	-	<i>24.622.241.184</i>	-
Ký cược, ký quỹ (*)	15.994.000.000	-	24.298.658.443	-
Tạm ứng	246.956.487	-	233.736.403	-
Công ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Chailease	53.974.873	-	63.499.852	-
Lãi tiền gửi ký quỹ	-	-	1.410.411	-
Phải thu khác	76.178.104	-	24.936.075	-
Cộng	16.371.109.464	-	24.639.648.954	-

(*) Là khoản cầm cố, ký quỹ theo các nội dung sau:

+ Ký quỹ các tài khoản tiền gửi tiết kiệm Ngân hàng TMCP Phát Triển Thành Phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh Nguyễn Đình Chiểu theo hợp đồng cầm cố số 117/23/HĐBĐ_CN168 ngày 22 tháng 08 năm 2023 số tiền 1.331.000.000 VND để cầm cố đảm bảo thực hiện khoản vay tại Ngân hàng TMCP Phát Triển Thành Phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh Nguyễn Đình Chiểu số hợp đồng 24894/23MN/HĐTD ngày 27 tháng 09 năm 2023.

+ Ký quỹ các tài khoản tiền gửi tiết kiệm Ngân hàng TMCP Phát Triển Thành Phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh Nguyễn Đình Chiểu theo hợp đồng cầm cố số 136/23/HĐBĐ_CN168 ngày 15 tháng 09 năm 2023 số tiền 2.410.000.000 VND để cầm cố đảm bảo thực hiện khoản vay tại Ngân hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ III.2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính công ty mẹ Quý III.2023 (tiếp theo)

TMCP Phát Triển Thành Phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh Nguyễn Đình Chiểu số hợp đồng 24894/23MN/HĐTD ngày 27 tháng 09 năm 2023.

+ Ký quỹ các tài khoản tiền gửi tiết kiệm Ngân hàng TMCP Phát Triển Thành Phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh Nguyễn Đình Chiểu theo hợp đồng cầm cố số 138/23/HĐBĐ_CN168 ngày 18 tháng 09 năm 2023 số tiền 531.000.000 VND để cầm cố đảm bảo thực hiện khoản vay tại Ngân hàng TMCP Phát Triển Thành Phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh Nguyễn Đình Chiểu số hợp đồng 24894/23MN/HĐTD ngày 27 tháng 09 năm 2023.

+ Ký quỹ các tài khoản tiền gửi tiết kiệm Ngân hàng TMCP Phát Triển Thành Phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh Nguyễn Đình Chiểu theo hợp đồng cầm cố số 149/23/HĐBĐ_CN168 ngày 29 tháng 09 năm 2023 số tiền 971.000.000 VND để cầm cố đảm bảo thực hiện khoản vay tại Ngân hàng TMCP Phát Triển Thành Phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh Nguyễn Đình Chiểu số hợp đồng 24894/23MN/HĐTD ngày 27 tháng 09 năm 2023.

+ Ký quỹ các tài khoản tiền gửi tiết kiệm Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng theo hợp đồng cầm cố số 0065/NHNT-KD/22 ngày 14 tháng 06 năm 2022, Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 08/SĐBS – 0065/NHNT-KD/22 ngày 15 tháng 08 năm 2022 số tiền 15.025.000.000 VND để cầm cố đảm bảo thực hiện khoản vay tại ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng số hợp đồng 0012/KHDN/22 ngày 13 tháng 06 năm 2022.

b) Dài hạn

	Ngày 30 tháng 09 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	623.421.295	-	107.156.000	-
Cầm cố, ký quỹ	623.421.295	-	107.156.000	-
Cộng	623.421.295	-	107.156.000	-

5. Hàng tồn kho

	Ngày 30 tháng 09 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	69.011.235.841	-	81.688.449.408	-
Công cụ, dụng cụ	7.017.939.562	-	5.522.693.214	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	78.604.974.101	-	98.861.132.602	-
Thành phẩm	462.906.213	-	121.368.796	-
Hàng hóa	6.348.653.474	-	237.701.034.422	-
Cộng	161.445.709.191	-	423.894.678.442	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ III.2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính công ty mẹ Quý III.2023 (tiếp theo)

6. Chi phí trả trước**a) Ngắn hạn**

	<i>Ngày 30 tháng 09 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Công cụ dụng cụ	306.486.581	838.126.683
Chi phí bảo hiểm	99.680.083	123.817.247
Chi phí thuê cơ sở hạ tầng	20.410.637	242.933.258
Chi phí phần mềm, thuê máy chủ	828.001.322	36.473.331
Chi phí khác	44.737.270	35.546.348
Cộng	1.299.315.893	1.276.896.867

b) Dài hạn

	<i>Ngày 30 tháng 09 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Tiền thuê đất	2.183.666.424	2.220.196.163
Công cụ dụng cụ	814.708.292	293.671.863
Chi phí thi công văn phòng	11.285.673	36.678.425
Chi phí trả trước dài hạn Nhà máy Bạc Liêu	2.129.227.406	3.412.196.100
Các chi phí trả trước dài hạn khác	83.034.444	49.571.004
Cộng	5.221.922.239	6.012.313.555

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ III.2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính công ty mẹ Quý III.2023 (tiếp theo)

7. Tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá	55.716.664.542	126.987.377.443	5.526.477.091	128.366.364	188.358.885.440
Số đầu năm	-	-	548.239.789	61.800.000	610.039.789
Mua trong kỳ	-	2.505.600.000	-	-	2.505.600.000
Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	129.492.977.443	6.074.716.880	190.166.364	191.474.525.229
Số cuối kỳ quý 3.2023	55.716.664.542	129.492.977.443	6.074.716.880	190.166.364	191.474.525.229
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-	63.636.364	63.636.364
Giá trị hao mòn	1.471.100.239	5.960.156.296	1.023.046.609	98.921.337	8.553.224.481
Số đầu năm	1.671.462.828	6.522.309.481	460.129.774	18.969.336	8.672.871.419
Khấu hao trong kỳ	3.142.563.067	12.482.465.777	1.483.176.383	117.890.673	17.226.095.900
Số cuối kỳ quý 3.2023	54.245.564.303	121.027.221.147	4.503.430.482	29.445.027	179.805.660.959
Số đầu năm	52.574.101.475	117.010.511.666	4.591.540.497	72.275.691	174.248.429.329
Số cuối kỳ quý 3.2023	52.574.101.475	117.010.511.666	4.591.540.497	72.275.691	174.248.429.329

Tài sản cố định hữu hình có nguyên giá 184.831.244.101 VND và giá trị còn lại 169.403.716.195 VND được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hàn Thuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA
 Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ III.2023
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính công ty mẹ Quý III.2023 (tiếp theo)

8. Tài sản cố định thuê tài chính

	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	432.000.000	579.925.185	1.011.925.185
Thuê tài chính trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ quý 3.2023	<u>432.000.000</u>	<u>579.925.185</u>	<u>1.011.925.185</u>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng			
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	-	-
Khấu hao trong kỳ	64.800.000	86.988.778	151.788.778
Số cuối kỳ quý 3.2023	<u>64.800.000</u>	<u>86.988.778</u>	<u>151.788.778</u>
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	432.000.000	579.925.185	1.011.925.185
Số cuối kỳ quý 3.2023	<u>367.200.000</u>	<u>492.936.407</u>	<u>860.136.407</u>

9. Tài sản cố định vô hình
 Là chương trình phần mềm:

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Hao mòn lũy kế</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	-	-	-
Tăng trong kỳ	11.674.742.000	291.868.550	11.382.873.450
Số cuối kỳ quý 3.2023	<u>11.674.742.000</u>	<u>291.868.550</u>	<u>11.382.873.450</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MÊ QUÝ III.2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính công ty mê Quý III.2023 (tiếp theo)

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển vào Chi phí trả trước	Ngày 30 tháng 09 năm 2023
Xây dựng cơ bản dở dang	63.213.993.444	6.478.741.908	(14.180.342.000)	(2.010.390.800)	53.502.002.552
Công trình "Nhà máy cơ khí công nghiệp hỗ trợ công nghệ cao"	2.505.600.000	-	(2.505.600.000)	-	-
Hệ thống phân mềm quản lý SAP	8.292.219.080	5.392.913.720	(11.674.742.000)	(2.010.390.800)	-
Công trình "Nhà máy Cơ khí Công nghệ cao SIBA Bà Rịa Vũng Tàu" (1)	38.527.285.476	1.085.828.188	-	-	39.613.113.664
Công trình: "Nhà máy Cơ khí Công nghệ cao SIBA Nghệ An" (2)	13.888.888.888	-	-	-	13.888.888.888
Cộng	63.213.993.444	6.478.741.908	(14.180.342.000)	(2.010.390.800)	53.502.002.552

(1) Là chi phí xây dựng dự án "Nhà máy Cơ khí Công nghệ cao SIBA Bà Rịa Vũng Tàu" theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 8353128311 ngày 01/03/2022 của Ban quản lý các khu công nghệ Bà Rịa-Vũng Tàu. Hiện dự án đang trong giai đoạn xây dựng.

(2) Là chi phí xây dựng dự án "Nhà máy Cơ khí Công nghệ cao SIBA Nghệ An" theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 3808008450 ngày 04/01/2023 của Ban quản lý Khu kinh tế Đông Nam tỉnh Nghệ An. Dự án hiện đang ở bước thực hiện các thủ tục đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 AI Công Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ III.2023
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính công ty mẹ Quý III.2023 (tiếp theo)

11. Đầu tư tài chính dài hạn

	Ngày 30 tháng 09 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc
Đầu tư vào công ty con	88.000.000.000	-	88.000.000.000	88.000.000.000
Công ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Bạc Liêu (1)	20.000.000.000	-	20.000.000.000	20.000.000.000
Công ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Đồng Tháp (2)	20.000.000.000	-	20.000.000.000	20.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Sibacons (3)	48.000.000.000	-	48.000.000.000	48.000.000.000
Cộng	88.000.000.000	-	88.000.000.000	88.000.000.000

(1) Khoản góp vốn vào Công ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Bạc Liêu theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 1900665908 ngày 24 tháng 08 năm 2020, theo đó Công ty Cổ phần Tập đoàn cơ khí công nghệ cao Siba là chủ sở hữu 100% vốn điều lệ, đương đương số tiền 20.000.000.000 VNĐ. Công ty hiện hoạt động bình thường trong lĩnh vực năng lượng mặt trời.

(2) Khoản góp vốn vào Công ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Đồng Tháp theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 1402149837 ngày 22 tháng 09 năm 2020, theo đó Công ty Cổ phần Tập đoàn cơ khí công nghệ cao Siba là chủ sở hữu 100% vốn điều lệ, đương đương số tiền 20.000.000.000 VNĐ. Công ty hiện hoạt động trong lĩnh vực năng lượng mặt trời, đang trong giai đoạn đầu tư nên chưa có doanh thu.

(3) Khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Sibacons theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0317186593 đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 3 năm 2022, theo đó Công ty Cổ phần Tập đoàn cơ khí công nghệ cao Siba góp 80% vốn điều lệ tương đương số tiền 48.000.000.000. Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây dựng (tư vấn giám sát), thương mại, sản xuất, dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ III.2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính công ty mẹ Quý III.2023 (tiếp theo)

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	<i>Ngày 30 tháng 09 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>4.466.731</i>	<i>105.389.102</i>
Công ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Bạc Liêu	4.466.731	105.389.102
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>551.293.337.818</i>	<i>1.462.795.411.028</i>
Công ty Cổ Phần Nông Sản MOGB Quốc Tế	-	279.336.773.000
Công ty Cổ Phần Nông Sản Sông Lam	260.213.989.100	222.798.634.020
Công ty Cổ Phần Nông Nghiệp Kiến Nông	150.786.193.200	683.537.011.450
Công ty Cổ Phần Nông Sản BIVC Quốc Tế	16.161.773.750	154.563.784.100
Các nhà cung cấp khác	124.131.381.768	122.559.208.458
Cộng	<u>551.297.804.549</u>	<u>1.462.900.800.130</u>

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<i>Ngày 30 tháng 09 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	<i>68.643.389.910</i>	<i>72.684.502.270</i>
Công ty TNHH Anh Vũ Phú Yên	-	654.500.000
Công ty TNHH Đầu tư Trang trại Xanh 1	403.263.477	-
Công ty TNHH Sản xuất thương mại dịch vụ Bắc An Khánh	11.586.649.154	18.500.000.000
Công ty TNHH Chăn Nuôi Bảo Ngọc	-	204.270.000
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Công nghệ cao Hải Đăng Tây Ninh	46.988.441.479	28.918.163.469
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đông An Khánh	-	9.794.076.975
Công ty TNHH Chăn nuôi Nam An Khánh	-	14.204.951.826
Công ty Cổ Phần Nông Nghiệp BAF Việt Nam	408.540.000	408.540.000
Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Tâm Hưng	6.105.281.700	-
Công Ty TNHH Đầu Tư Nông Nghiệp Tân Châu	3.151.214.100	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>13.186.020.000</i>	<i>6.398.579.048</i>
Công ty Cổ phần CBOT Việt Nam	-	5.500.000.000
Công Ty Cổ Phần Chăn Nuôi Greentech	12.320.000.000	-
Các khách hàng khác	866.020.000	898.579.048
Cộng	<u>81.829.409.910</u>	<u>79.083.081.318</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ III.2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính công ty mẹ Quý III.2023 (tiếp theo)

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Ngày 31 tháng 12 năm 2022		Số phát sinh trong năm		Ngày 30 tháng 09 năm 2023	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	85.497.129	(85.497.129)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	20.098.433	(20.098.415)	18	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.634.797.358	-	6.526.225.419	(6.700.000.000)	1.461.022.777	-
Thuế thu nhập cá nhân	24.646.646	-	377.391.408	(380.307.954)	21.730.100	-
Các loại thuế khác	-	-	5.482.191	(5.482.191)	-	-
Cộng	1.659.444.004	-	7.014.694.580	(7.191.385.689)	1.482.752.895	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất theo từng loại hình như sau:

Nông sản, khung chuồng heo
Các dịch vụ, hàng hóa khác

Không chịu thuế
8%;10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng là 20%.

Dự án đầu tư Nhà máy Cơ khí công nghiệp hỗ trợ Công nghệ cao VMECO của Công ty được áp dụng thuế suất 17% trong thời hạn 10 năm (từ năm 2022 đến năm 2031), miễn thuế 02 năm (từ năm 2022 đến năm 2023) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo áp dụng cho Dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn theo Hướng dẫn của Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 và Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ III.2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính công ty mẹ Quý III.2023 (tiếp theo)

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<i>Ngày 30 tháng 09 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<u>4.981.956.633</u>	<u>1.611.166.667</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây Dựng SIBACONS - Lãi vay	4.262.334.918	1.611.166.667
Công ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Bạc Liêu - Lãi vay	477.996.905	-
Công ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Đồng Tháp - Lãi vay	241.624.810	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<u>7.085.519.778</u>	<u>8.334.625.874</u>
Phải trả lãi vay	-	1.531.559.528
Chi phí phải trả các công trình	7.085.519.778	6.803.066.346
Công ty SX TM XD Phúc Huệ	-	5.896.264.230
CNVT-CT Thép Nhân Luật MN	-	591.274.792
Công ty Minh Hòa Thành	-	148.726.760
CT SX TM Đức Thịnh	1.276.373.650	-
Công Ty TNHH Star Farm Việt Nam	1.482.367.150	-
Các đối tượng khác	<u>4.326.778.978</u>	<u>166.800.564</u>
Cộng	<u><u>12.067.476.411</u></u>	<u><u>9.945.792.541</u></u>

16. Phải trả ngắn hạn khác

	<i>Ngày 30 tháng 09 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<u>488.406.166</u>	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây Dựng SIBACONS - Lãi vay	13.035.618	-
Công ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Đồng Tháp - Lãi vay	475.370.548	-
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<u>701.266.040</u>	<u>686.863.239</u>
Bảo hiểm xã hội	531.094.875	562.061.514
Bảo hiểm y tế	95.008.500	82.027.890
Bảo hiểm thất nghiệp	41.654.500	42.773.835
Kinh phí công đoàn	30.494.180	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	3.013.985	-
Cộng	<u><u>1.189.672.206</u></u>	<u><u>686.863.239</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MỆ QUÝ III.2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính công ty mệ Quý III.2023 (tiếp theo)

17. Vay và nợ thuế tài chính

a) Ngắn hạn

	Ngày 30 tháng 09 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>				
Công ty TNHH MTV Năng lượng sạch Vmeco Đồng Tháp (1)	27.708.338.000	27.708.338.000	26.628.338.000	26.628.338.000
Công ty TNHH MTV Năng lượng sạch Vmeco Bạc Liêu (2)	15.977.002.800	15.977.002.800	15.977.002.800	15.977.002.800
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây Dựng SIBACONS (3)	10.651.335.200	10.651.335.200	10.651.335.200	10.651.335.200
<i>Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Vay ngắn hạn ngân hàng	31.972.765.821	31.972.765.821	65.935.051.456	65.935.051.456
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (4)	11.717.461.821	11.717.461.821	45.679.747.456	45.679.747.456
Vay dài hạn đến hạn trả	11.717.461.821	11.717.461.821	45.679.747.456	45.679.747.456
Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hàn Thuyên	20.255.304.000	20.255.304.000	20.255.304.000	20.255.304.000
Cộng	59.681.103.821	59.681.103.821	92.563.389.456	92.563.389.456

(1) Khoản vay Công ty TNHH MTV Năng lượng sạch Vmeco Đồng Tháp theo Hợp đồng Tháp theo Hợp đồng 31.12.2022/HĐV-VMCDT-SB ngày 31/12/2022. Số tiền vay 15.977.002.800 VNĐ, lãi suất vay 6%/năm tính từ ngày hợp đồng vay có hiệu lực. Thời hạn vay 12 tháng, tiền lãi được trả vào ngày kết thúc thời hạn vay. Số tiền nợ gốc sau khi kết thúc thời hạn vay sẽ được cân trừ với công nợ phát sinh của Hợp đồng 27/12/2021/HĐ-SIBA-NLSVDT ngày 27/12/2021.

(2) Khoản vay Công ty TNHH MTV Năng lượng sạch Vmeco Bạc Liêu theo Hợp đồng 31.12.2022/HĐV-VMCBL-SB ngày 31/12/2022. Số tiền vay 10.651.335.200 VNĐ, lãi suất vay 6%/năm tính từ ngày hợp đồng vay có hiệu lực. Thời hạn vay 12 tháng, tiền lãi được trả vào ngày kết thúc thời hạn vay. Số tiền nợ gốc sau khi kết thúc thời hạn vay sẽ được cân trừ với công nợ phát sinh của Hợp đồng 26/12/2021/HĐ-SIBA-NLSVBL ngày 26/12/2021.

(3) Là khoản vay Công ty Cổ phần Đầu tư Xây Dựng SIBACONS theo các hợp đồng sau:
 + Theo Hợp đồng 1808.2023/HĐV-SB-SBC ngày 18/08/2023. Số tiền vay 1.030.000.000 VNĐ, lãi suất vay 6%/năm tính từ ngày hợp đồng vay có hiệu lực. Thời hạn vay 12 tháng, tiền lãi được trả vào ngày kết thúc thời hạn vay.
 + Theo Hợp đồng 2009.2023/HĐV-SB-SBC ngày 20/09/2023. Số tiền vay 300.000.000 VNĐ, lãi suất vay 6%/năm tính từ ngày hợp đồng vay có hiệu lực. Thời hạn vay 12 tháng, tiền lãi được trả vào ngày kết thúc thời hạn vay.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MỀ QUÝ III.2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính công ty mẹ Quý III.2023 (tiếp theo)

(4) Khoản vay ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo Hợp đồng cấp tín dụng số 00112/KHDN/22 ngày 13 tháng 6 năm 2022. Mục đích sử dụng vốn để tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho hoạt động đầu tư tài sản cố định. Hạn mức cho vay 50.000.000.000 VNĐ, khoản vay được đảm bảo bằng Sổ tiết kiệm/Hợp đồng tiền gửi với tỷ lệ (Giá trị tài sản đảm bảo sau quy đổi/Dư nợ cấp tín dụng) đạt tối thiểu 30% tại mọi thời điểm. Thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ tối đa 06 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn và được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay được ghi trên từng Giấy nhận nợ

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Kết chuyển từ		
	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	vay và nợ dài hạn
	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Ngày 30 tháng 09 năm 2023
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác			
Công ty TNHH MTV Năng lượng sạch Imeco Đồng Tháp	15.977.002.800	-	15.977.002.800
Công ty TNHH MTV Năng lượng sạch Imeco Bạc Liêu	10.651.335.200	-	10.651.335.200
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây Dựng SIBACONS	-	3.630.000.000	1.080.000.000
Vay ngắn hạn ngân hàng			
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	45.679.747.456	27.123.746.042	11.717.461.821
Vay dài hạn đến hạn trả			
Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Tuyên	20.255.304.000	-	20.255.304.000
Cộng	92.563.389.456	30.753.746.042	59.681.103.821

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY ME QUÝ III.2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính công ty me Quý III.2023 (tiếp theo)

b) Dài hạn

	Ngày 30 tháng 09 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các bên liên quan</i>	58.361.476.707	58.561.476.707	59.546.476.707	59.546.476.707
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây Dựng SIBACONS (*)	58.361.476.707	58.561.476.707	59.546.476.707	59.546.476.707
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	61.664.713.045	61.664.713.045	76.987.612.636	76.987.612.636
Vay dài hạn ngân hàng	60.936.052.248	60.936.052.248	76.130.364.636	76.130.364.636
Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hàn Thuyên (**)	60.936.052.248	60.936.052.248	76.130.364.636	76.130.364.636
Nợ thuê tài chính	728.660.797	728.660.797	857.248.000	857.248.000
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	728.660.797	728.660.797	857.248.000	857.248.000
Cộng	120.026.189.752	120.026.189.752	136.534.089.343	136.534.089.343

(*) Là khoản vay Công ty Cổ phần Đầu tư Xây Dựng SIBACONS theo các Hợp đồng sau:

+ Hợp đồng cho vay số 090622/HĐV-SB-SBC ngày 09/6/2022. Số tiền vay 43.000.000.000 VNĐ, lãi suất vay 6%/năm tính từ ngày hợp đồng vay có hiệu lực. Thời hạn vay 24 tháng, tiền lãi được trả vào ngày kết thúc thời hạn vay.

+ Hợp đồng cho vay số 270622/HĐV-SB-SBC ngày 27/6/2022. Số tiền vay 4.900.000.000 VNĐ, lãi suất vay 6%/năm tính từ ngày hợp đồng vay có hiệu lực. Thời hạn vay 24 tháng, tiền lãi được trả vào ngày kết thúc thời hạn vay.

+ Hợp đồng cho vay số 291222/HĐV-SB-SBC ngày 29/12/2022. Số tiền vay 12.000.000.000 VNĐ, lãi suất vay 6%/năm tính từ ngày hợp đồng vay có hiệu lực. Thời hạn vay 24 tháng, tiền lãi được trả vào ngày kết thúc thời hạn vay.

(**) Là khoản vay theo hợp đồng số 0006/2020/HĐTĐH-PN/SHB.111500 ngày 12 tháng 02 năm 2020 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hàn Thuyên. Số tiền cho vay: 147.000.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Một trăm bốn mươi bảy tỷ đồng). Mục đích sử dụng vốn vay: Cho vay, mở L/C nhập khẩu Máy móc thiết bị (MMTB), bảo lãnh phục vụ đầu tư dự án: “Nhà máy cơ khí công nghiệp hỗ trợ công nghệ cao” tại Khu công nghiệp Trà Kha, phường 8, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu. Thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất được quy định cụ thể trong từng kế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo gồm:



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ III.2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính công ty mẹ Quý III.2023 (tiếp theo)

+ Tài sản bảo đảm 1: Bên thế chấp tự nguyện thế chấp tài sản thuộc sở hữu của mình là: Toàn bộ các công trình xây dựng là tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai thuộc dự án nhà máy cơ khí công nghiệp hỗ trợ công nghệ cao VMECO được xây dựng tại thửa đất số 177; tờ bản đồ số 23 tại Khu Công nghiệp Trà Kha, phường 8, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu. Diện tích lô đất sử dụng: 14.100,91 m² (Bằng chữ: Mười bốn nghìn một trăm phẩy chín mốt mét vuông) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CS 002425; do UBND tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 26/06/2019. Giá trị định giá: 60.893.000.000 đồng theo biên bản xác định giá trị bất động sản ngày 12/02/2020.

+ Tài sản bảo đảm 2: Bên thế chấp tự nguyện thế chấp tài sản thuộc sở hữu của mình là toàn bộ hệ thống MMTB dây chuyền sản xuất hình thành trong tương lai thuộc dự án nhà máy cơ khí công nghiệp hỗ trợ công nghệ cao theo hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 0006/2020/HĐTCTL-PN/SHB.111500 ngày 14/02/2020. Giá trị tài sản thế chấp là 161.285.484.582 đồng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Ngày 30 tháng 09 năm 2023
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các bên liên quan					
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây Dựng SIBACONS	59.546.476.707	-	(1.185.000.000)	-	58.361.476.707
Vay dài hạn ngân hàng					
Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Thủyên	76.130.364.636	-	-	(15.194.312.388)	60.936.052.248
Nợ thuê tài chính					
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	857.248.000	-	(128.587.203)	-	728.660.797
Cộng	136.534.089.343	-	(1.313.587.203)	(15.194.312.388)	120.026.189.752

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ III.2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính công ty mẹ Quý III.2023 (tiếp theo)

18. Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	150.000.000.000	30.000.000.000	22.407.435.486	202.407.435.486
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	100.000.000.000	49.824.500.000	-	149.824.500.000
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	36.408.742.315	36.408.742.315
Số dư cuối năm trước	250.000.000.000	79.824.500.000	58.816.177.801	388.640.677.801
Số dư đầu năm nay	250.000.000.000	79.824.500.000	58.816.177.801	388.640.677.801
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	28.395.980.991	28.395.980.991
Số dư cuối kỳ này	250.000.000.000	79.824.500.000	87.212.158.792	417.036.658.792

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 30/09/2023

	Ngày 30 tháng 09 năm 2023	Tỷ lệ	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Tỷ lệ
Công ty Cổ phần Siba Holdings	139.000.000.000	55,60%	139.000.000.000	55,60%
Ông Nguyễn Văn Đức	15.150.000.000	6,06%	44.250.000.000	17,70%
Bà Phan Hồng Vân	7.600.000.000	3,04%	22.600.000.000	9,04%
Các đối tượng khác	88.250.000.000	35,30%	44.150.000.000	17,66%
Cộng	250.000.000.000	100%	250.000.000.000	100%

II. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01.01.2023 Tới 30.09.2023	Từ 01.01.2022 Tới 30.09.2022
Doanh thu bán hàng hóa	2.613.018.522.150	2.635.008.756.215
Doanh thu cung cấp dịch vụ	475.555.237.948	243.968.059.458
Cộng	3.088.573.760.098	2.878.976.815.673

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01.01.2023 Tới 30.09.2023	Từ 01.01.2022 Tới 30.09.2022
Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.603.853.323.166	2.622.764.258.855
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	412.972.674.535	192.332.934.201
Cộng	3.016.825.997.701	2.815.097.193.056

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA
 Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ III.2023
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính công ty mẹ Quý III.2023 (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Từ 01.01.2023</i>	<i>Từ 01.01.2022</i>
	<i>Tới 30.09.2023</i>	<i>Tới 30.09.2022</i>
Lãi tiền gửi, ký quỹ	837.374.750	241.078.969
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	13.736.845	3.812.948.940
Doanh thu tài chính khác	347.750	-
Cộng	851.459.345	4.054.027.909

4. Chi phí tài chính

	<i>Từ 01.01.2023</i>	<i>Từ 01.01.2022</i>
	<i>Tới 30.09.2023</i>	<i>Tới 30.09.2022</i>
Chi phí lãi vay	14.484.344.393	12.573.214.737
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	53.440.909	86.558.286
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	103.204.556	-
Dự phòng/Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	-	5.761.575
Chi phí khác	-	27.185.778
Cộng	14.640.989.858	12.692.720.376

5. Chi phí bán hàng

	<i>Từ 01.01.2023</i>	<i>Từ 01.01.2022</i>
	<i>Tới 30.09.2023</i>	<i>Tới 30.09.2022</i>
Chi phí cho nhân viên	8.729.788.287	5.948.517.822
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	75.884.785	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	640.154.135	1.682.750.115
Các chi phí khác	406.511.161	769.903.316
Cộng	9.852.338.368	8.401.171.253

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<i>Từ 01.01.2023</i>	<i>Từ 01.01.2022</i>
	<i>Tới 30.09.2023</i>	<i>Tới 30.09.2022</i>
Chi phí cho nhân viên	5.929.874.243	6.961.728.129
Chi phí đồ dùng văn phòng	309.831.659	437.546.163
Chi phí khấu hao tài sản cố định	539.057.857	294.626.646
Thuế, phí và lệ phí	690.371.795	468.536.716
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.391.887.601	2.184.006.458
Các chi phí khác	1.410.002.214	1.314.126.287
Cộng	13.271.025.369	11.660.570.399

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ III.2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính công ty mẹ Quý III.2023 (tiếp theo)

III. GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan khác với Doanh nghiệp gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần SIBA HOLDINGS	Công ty mẹ
Công Ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Bạc Liêu	Công ty con
Công Ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Đồng Tháp	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Sibacons	Công ty con
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long	Ông Trương Sỹ Bá là Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Siba Holdings đồng thời là Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long
Công ty Cổ phần Nông Nghiệp BAF Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Công Ty TNHH Đầu Tư Trang Trại Xanh 1	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Đầu tư Trang trại xanh 2	Công ty cùng Tập đoàn
Công Ty TNHH Anh Vũ Phú Yên	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Sản xuất thương mại dịch vụ Bắc An Khánh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Chăn Nuôi Bảo Ngọc	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Công nghệ cao Hải Đăng Tây Ninh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đông An Khánh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Chăn nuôi Nam An Khánh	Công ty cùng Tập đoàn
Công Ty Cổ Phần Thức Ăn Chăn Nuôi BAF Tây Ninh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH SX TM DV Chăn Nuôi Minh Thành	Công ty cùng Tập đoàn
Chi nhánh Công ty CP Nông Nghiệp BAF Việt Nam Tại Nghệ An	Công ty cùng Tập đoàn
Công Ty TNHH Đầu Tư Nông Nghiệp Tân Châu	Công ty cùng Tập đoàn
Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Tâm Hưng	Công ty cùng Tập đoàn

Các giao dịch phát sinh giữa công ty với các bên liên quan khác trong năm như sau:

Từ 01.01.2023

Tới 30.09.2023

Công Ty TNHH Đầu Tư Trang Trại Xanh 1

Thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ

10.443.358.582

Phải thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ

564.615.819

Công Ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Bạc Liêu

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ III.2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính công ty mẹ Quý III.2023 (tiếp theo)

	<i>Từ 01.01.2023</i>
	<u><i>Tới 30.09.2023</i></u>
Phải thu về bán hàng hóa, dịch vụ	330.000.000
Thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	265.000.000
Phải trả về tiền lãi cho vay	477.996.905
Phải trả về tiền mua hàng hóa, dịch vụ	429.128.294
Trả tiền mua hàng hóa, dịch vụ	530.050.665
Công ty TNHH Đầu tư Trang trại xanh 2	
Phải thu về bán hàng hóa, dịch vụ	127.425.431.181
Thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	104.789.326.727
Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Bắc An Khánh	
Phải thu về bán hàng hóa, dịch vụ	99.263.690.738
Thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	92.350.339.892
Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Đông An Khánh	
Phải thu về bán hàng hóa, dịch vụ	117.341.322.865
Thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	77.216.895.001
Chi Nhánh Công ty CP Nông Nghiệp BAF Việt Nam Tại Nghệ An	
Phải thu về bán hàng hóa, dịch vụ	1.128.491.100
Thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	1.128.491.100
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long	
Phải trả về mua hàng hóa	948.060.326.550
Trả tiền mua hàng hóa	949.275.557.750
Phải thu về bán hàng hóa, dịch vụ	
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Công nghệ cao Hải Đăng Tây Ninh	
Phải thu về bán hàng hóa, dịch vụ	58.292.322.923
Thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	76.362.600.933
Công ty TNHH Chăn nuôi Nam An Khánh	
Phải thu về bán hàng hóa, dịch vụ	40.241.299.717
Thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	25.303.102.393
Công ty Cổ phần Nông Nghiệp BAF Việt Nam	
Phải thu về bán hàng hóa, dịch vụ	22.286.000
Thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	22.286.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Sibacons	
Phải trả về tiền lãi vay	2.664.203.869
Phải trả về tiền vay	3.630.000.000
Trả tiền vay	3.735.000.000
Chi hộ	80.590.088
Thu tiền đã chi hộ	80.590.088
Công ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Đồng Tháp	
Phải trả về tiền lãi vay	716.995.358

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ III.2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính công ty mẹ Quý III.2023 (tiếp theo)

Công Ty TNHH Đầu Tư Nông Nghiệp Tân

Châu

Thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ

3.151.214.100

Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại

Dịch Vụ Tâm Hưng

Thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ

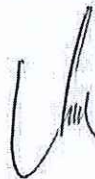
6.105.281.700

Lập ngày 18 tháng 10 năm 2023

Người lập biểu

Kê toán trưởng

Tổng Giám đốc



Trần Thị Thu Thảo

Hà Thị Ngọc Sơn

Nguyễn Văn Đức